

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/DS-ST

Ngày: 28/10/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông **Danh Pì Sách**

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông **Danh Đẹp;**

Ông **Đình Chí Công;**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Danh Lý Khang** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa** – Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2024/TLST- DS, ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXX-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Ngân hàng NN**

Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường Ba Đình, thành phố HN

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đặng Thanh H** - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng NN – Chi nhánh Kiên Giang II.

Địa chỉ: Số 784 Khu phố Minh An, xã Châu Thành, tỉnh AG.

* **Bị đơn:** Ông **Trần Phước R**, sinh năm: 1977

Bà **Lê Thị P**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp Vĩnh Quới, xã Bình An, tỉnh AG (trước đây là: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Hoà Phú, huyện Châu Thành, tỉnh KG).

(Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn ông Trần Phước R, bà Lê Thị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Ông Trần Phước R và vợ là bà Lê Thị Ph có ký tổng cộng 05 Hợp đồng tín dụng với NGÂN HÀNG NN để vay tiền nhằm mục đích: Sửa chữa tàu cá, mua tàu cá, bổ sung vốn đánh bắt hải sản. Cụ thể như sau các hợp đồng như sau:

1.1) Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-201701378 ngày 29/05/2017.

- Số tiền cho vay: **1.500.000.000** đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: Sửa chữa tàu cá.
- Ngày giải ngân: 31/05/2017; hạn trả 28/05/2022; thời hạn vay: 60 tháng.
- Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 10,5%/năm và định kỳ được điều chỉnh theo thỏa thuận. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

- Số tiền gốc đã trả: **900.000.000** đồng
- Số tiền lãi đã trả: 560.421.875 đồng
- Dư nợ gốc hiện tại: **600.000.000** đồng
- Tiền lãi còn nợ tạm tính: **250.509.375** đồng

Trong đó:

- + Lãi trong hạn: **133.936.458** đồng
- + Lãi quá hạn: **116.572.917** đồng

1.2) Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-201701957 ngày 28/08/2017.

- Số tiền cho vay: **3.500.000.000** đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng).
- Mục đích vay: Mua tàu cá
- Ngày giải ngân: 31/08/2017; hạn trả 26/08/2022; thời hạn vay: 60 tháng.
- Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 11%/năm và định kỳ được điều chỉnh theo quy định. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

- Số tiền gốc đã trả: **600.000.00** đồng
- Số tiền lãi đã trả: **1.752.168.599** đồng
- Dư nợ gốc hiện tại: **2.900.000.000** đồng
- Tiền lãi còn nợ tạm tính: 1.434.642.234 đồng

Trong đó:

- + Lãi trong hạn: 797.097.234 đồng
- + Lãi quá hạn: 637.545.000 đồng

1.3) Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-20181217 ngày 29/06/2018.

- Số tiền cho vay: **3.000.000.000** đồng (Ba tỷ đồng chẵn).
- Mục đích vay: Mua tàu cá.
- Ngày giải ngân: 29/06/2018; hạn trả 26/06/2023; thời hạn vay: 60 tháng.
- Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 11%/năm và định kỳ được điều chỉnh theo thỏa thuận. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

- Số tiền gốc đã trả: 0 đồng
- Số tiền lãi đã trả: **1.635.263.017** đồng
- Dư nợ gốc hiện tại: **3.000.000.000** đồng
- Tiền lãi còn nợ tạm tính: **1.312.945.887** đồng

Trong đó:

- + Lãi trong hạn: **623.424.654** đồng
- + Lãi quá hạn: **689.521.233** đồng

1.4) Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-201801618 ngày 06/09/2018.

- Số tiền cho vay: **4.500.000.000** đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).
- Mục đích vay: Mua tàu cá.
- Ngày giải ngân: 06/09/2018; hạn trả 05/09/2023; thời hạn vay: 60 tháng.
- Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 11%/năm và định kỳ được điều chỉnh theo thỏa thuận. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

- Số tiền gốc đã trả: **400.000.000** đồng
- Số tiền lãi đã trả: **1.925.584.656** đồng
- Dư nợ gốc hiện tại: **4.100.000.000** đồng
- Tiền lãi còn nợ tạm tính: 1.877.912.330 đồng

Trong đó:

- + Lãi trong hạn: **1.102.663.015** đồng
- + Lãi quá hạn: **775.249.315** đồng

1.5) Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-202101433, ngày 18/11/2021

- Số tiền cho vay: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng chẵn).
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đánh bắt hải sản.
- Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến hết ngày 17/11/2022
- Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 8,0%/năm và định kỳ được điều chỉnh theo thỏa thuận. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

1.5.1) Số tiền giải ngân lần 1 (7709-LDS-202100343): 2.000.000.000 đồng

- Ngày giải ngân: 03/02/2021; hạn trả 01/11/2022.
- Số tiền gốc đã trả: **621.000.000** đồng
- Số tiền lãi đã trả: **511.290.410** đồng
- Dư nợ gốc hiện tại: **1.379.000.000** đồng
- Tiền lãi còn nợ tạm tính: **542.748.905** đồng

Trong đó:

- + Lãi trong hạn: **310.325.754** đồng
- + Lãi quá hạn: **232.423.151** đồng

1.5.2) Số tiền giải ngân lần 2 (7709-LDS-202103343): 2.000.000.000 đồng.

- Ngày giải ngân: 22/11/2021; hạn trả 21/08/2022.
- Số tiền gốc đã trả: 0 đồng
- Số tiền lãi đã trả: **261.752.629** đồng
- Dư nợ gốc hiện tại: **2.000.000.000** đồng
- Tiền lãi còn nợ tạm tính: **617.206.275** đồng

Trong đó:

- + Lãi trong hạn: **364.110.385** đồng
- + Lãi quá hạn: **253.095.890** đồng

Tổng số tiền phải trả của các Hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 28/10/2025 là: **20.014.965.007** đồng (Hai mươi tỷ không trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm lẻ bảy đồng), Trong đó cụ thể: Nợ gốc là **13.979.000.000** đồng (mười ba tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu đồng) và nợ lãi là 6.035.965.007 đồng (**sáu tỷ không trăm ba mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm lẻ bảy đồng**).

Để đảm bảo cho các khoản vay thì ông Trần Phước Rô và bà Lê Thị Phụng có thể chấp các tài sản bảo đảm bao gồm:

1) Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201701255, ngày 29/05/2017; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 033/2017/PLHĐ ngày 29/08/2017 được giao kết giữa ngân hàng NN và ông Trần Phước R, bà Lê Thị P.

Tài sản thế chấp là tàu cá KG-94898-TS; công suất 500 CV.

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1012/2017.

Giá trị tài sản bảo đảm: 2.200.000.000 đồng; nghĩa vụ bảo đảm: gốc 1.100.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền gốc.

2) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201701256, ngày 29/05/2017; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709 - LCL-201701256 ngày 21/01/2018 được giao kết giữa ngân hàng NN

Chi nhánh Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị P.

Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG777330 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 03/02/2012; thửa đất số: 616; tờ bản đồ số: 15; diện tích: 8.387m²; Mục đích sử dụng đất: đất trồng lúa. Địa chỉ: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh K.

Giá trị tài sản bảo đảm: 2.516.100.000 đồng; nghĩa vụ bảo đảm: gốc 1.880.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền gốc.

3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201701764, ngày 28/08/2017; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201701764/01 ngày 03/12/2020 được giao kết giữa ngân hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph.

Tài sản thế chấp là tàu cá KG-95513-TS; công suất 373 KW.

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 677/2020.

Giá trị tài sản bảo đảm: 6.200.000.000 đồng; nghĩa vụ bảo đảm: gốc 3.100.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền gốc.

4) Hợp đồng thế chấp tài sản số: 7709-LCL-201800957 ngày 29/06/2018; được giao kết giữa hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph.

Tài sản thế chấp là tàu cá KG-95753-TS; công suất 898 CV.

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 732/2018.

Giá trị tài sản bảo đảm: 6.000.000.000 đồng; nghĩa vụ bảo đảm: gốc 3.000.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền gốc.

5) Hợp đồng thế chấp tài sản số: 7709-LCL-201801280, ngày 06/09/2018; được giao kết giữa hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph.

Tài sản thế chấp là tàu cá KG-95833-TS; công suất 885 CV.

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1017/2018.

Giá trị tài sản bảo đảm: 9.000.000.000 đồng; nghĩa vụ bảo đảm: gốc 4.500.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền gốc.

6) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 7709-LCL-201902755, ngày 14/10/2019 được giao kết giữa hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph.

Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ110448 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 30/09/2004; thửa đất số: 609; tờ bản đồ số: 15; diện tích: 270,8m² ; Mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn. Địa chỉ: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Giá trị tài sản bảo đảm: 1.489.400.000 đồng; nghĩa vụ bảo đảm: gốc 1.100.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền gốc.

Trong quá trình khởi kiện tại Tòa án ông R và bà Ph đã đem số tiền 621.000.000đ gốc trả nợ vào hợp đồng tín dụng số: 7709-LDS-202100343 để lấy tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ 232031, thửa đất số: 192. 250, tờ bản đồ số 2 -1, diện tích 15.823m² (loại đất ruộng và đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm) vị trí đất tại ấp Kinh Xáng, xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện An Biên(cũ) cấp ngày 04/3/2004 cho Hộ ông bà Lê Văn Bảnh đứng tên, theo hợp đồng thế chấp số: 7709-LCL-201701765, ngày 28/8/2017.

* Tại phiên tòa người đại diện theo ủy của Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là **621.000.000đ**(sáu trăm hai mươi một triệu đồng) và đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: **7709-LCL-201701765, ngày 28/8/2017.**

Trong quá trình vay ông R, bà Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay Ngân hàng NN đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Phước R cùng vợ bà Lê Thị Ph phải trả cho Ngân hàng số tiền của các Hợp đồng tín dụng trên, tổng cộng là:

Nợ gốc là 13.979.000.000 đồng (mười ba tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu đồng); nợ lãi tạm tính đến ngày 28/10/2025 là 6.035.965.007 đồng (sáu tỷ không trăm ba mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm lẻ bảy đồng). Tổng cộng gốc và lãi đến ngày 28/10/2025 là: 20.014.965.007đồng (Hai mươi tỷ không trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm lẻ bảy đồng). Nếu không thực hiện yêu cầu Tòa án xử lý các tài sản thế chấp ở trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo hoãn phiên họp phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có đơn phản tố hay văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang: Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn xét xử kể từ ngày thụ lý vụ án đến ngày Quyết định đưa vụ án ra xét xử là

vi phạm thời hạn xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph phải thanh toán trả Ngân hàng NN tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/10/2025. Trường hợp ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng NN có quyền đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] - *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] – *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang) nhận được đơn khởi kiện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với ông Trần Phước Rô, bà Lê Thị Phụng, đây là vụ án “ *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Hoà Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là: ấp Vĩnh Quới, xã Bình An, tỉnh An Giang), do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang).

[1.2] – *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Trần Phước R, bà Lê Thị P, nhưng ông R và bà P vắng mặt lần 2 không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông R, bà Ph là đúng theo quy định pháp luật.

[2] - *Về nội dung vụ án:*

[2.1] - *Về nợ gốc:* Ngân hàng NN yêu cầu ông Trần Phước R và bà Lê Thị Ph trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay gốc còn lại là 13.979.000.000 đồng (mười ba tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu đồng) của 05 hợp đồng tín dụng như sau: **Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-201701378 ngày 29/05/2017; Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-201701957 ngày 28/08/2017; Hợp đồng tín dụng số 7709-**

LAV-20181217 ngày 29/06/2018; Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-201801618 ngày 06/09/2018; Hợp đồng tín dụng số 7709-LAV-202101433, ngày 18/11/2021 và Ngân hàng đã thực hiện đúng hợp đồng, giải ngân đủ số tiền vay trên cho ông Rô, bà Phượng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật, nên có hiệu lực thi hành và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Sau khi ký các hợp đồng, thì Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền vay theo như thoả thuận cho bị đơn, do đó bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo như cam kết. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là thanh toán số tiền gốc và lãi cho ngân hàng như thoả thuận, dẫn đến các khoản vay đã quá hạn, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Qua các tài liệu chứng cứ mà ngân hàng cung cấp thì thể hiện ông Rô, bà Phượng còn nợ Ngân hàng số tiền gốc nêu trên là đúng. Do đó, Ngân hàng tiến hành khởi kiện để yêu cầu nguyên đơn thanh toán các khoản tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng như trên là có căn cứ.

[2.2] - Về số tiền nợ lãi: Theo hợp đồng tín dụng thì lãi suất cho vay là từ 11%/năm, được điều chỉnh khi có thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn trên số nợ gốc thực tế chưa thanh toán. Xét thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng trên không trái với quy định của [Bộ luật dân sự 2015 về lãi suất](#), cũng như phù hợp với quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng nên có hiệu lực. Tính đến ngày 28/10/2025 tổng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của ông Rô, bà Phượng của 05 hợp đồng tín dụng là 6.035.965.007 đồng.

Từ những nhận định trên, cần buộc ông Trần Phước R và bà Lê Thị P phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng NN toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là: **20.014.965.007** đồng (Hai mươi tỷ không trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm lẻ bảy đồng), Trong đó cụ thể: Nợ gốc là 13.979.000.000 đồng (mười ba tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu đồng) và nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn là 6.035.965.007 đồng (sáu tỷ không trăm ba mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn lẻ bảy đồng).

[2.3] - Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm: Để nhằm đảm bảo các khoản vay của mình, thì ông Trần Phước R, bà Lê Thị P có ký với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp sau:

- **Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201701255, ngày 29/05/2017;**

văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 033/2017/PLHD ngày 29/08/2017 được giao kết giữa hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph/ Tài sản thế chấp là tàu cá KG-94898-TS; công suất 500 CV; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1012/2017.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201701256, ngày 29/05/2017; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201701256 ngày 21/01/2018 được giao kết giữa hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG777330 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 03/02/2012; thửa đất số: 616; tờ bản đồ số: 15; diện tích: 8.387m²; Mục đích sử dụng đất: đất trồng lúa. Địa chỉ: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201701764, ngày 28/08/2017; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201701764/01 ngày 03/12/2020 được giao kết giữa hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph. Tài sản thế chấp là tàu cá KG-95513-TS; công suất 373 KW. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 677/2020.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201800957 ngày 29/06/2018; được giao kết giữa hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph.

Tài sản thế chấp là tàu cá KG-95753-TS; công suất 898 CV. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 732/2018.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201801280, ngày 06/09/2018; được giao kết giữa hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph. Tài sản thế chấp là tàu cá KG-95833-TS; công suất 885 CV. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1017/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201902755, ngày 14/10/2019 được giao kết giữa hàng NN Kiên Giang II và ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ110448 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 30/09/2004; thửa đất số: 609; tờ bản đồ số: 15; diện tích: 270,8m²; Mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn. Địa chỉ: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Xét tính pháp lý hợp đồng thế chấp trên đã được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật. Ngoài ra, đối với các tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại các Hợp đồng thế chấp này đã được Ngân hàng đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật, do đó thỏa thuận trong hợp đồng thế

chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật thi hành. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp với các thỏa thuận của hợp đồng thế chấp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] - Đối với yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đây là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên HĐXX căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc **621.000.000đ** (sáu trăm hai mươi một triệu đồng) và đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ 232031, thửa đất số: 192. 250, tờ bản đồ số 2 -1, diện tích 15.823m² (loại đất ruộng và đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm) vị trí đất tại ấp Kinh Xáng, xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện An Biên(cũ) cấp ngày 04/3/2004 cho Hộ ông bà Lê Văn Bảnh đứng tên, theo hợp đồng thế chấp số: 7709-LCL-201701765, ngày 28/8/2017, theo hợp đồng thế chấp số: **7709-LCL-201701765, ngày 28/8/2017.**

[4] - Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với số tiền 20.014.965.007 đồng (Hai mươi tỷ không trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm lẻ bảy đồng), cụ thể như sau: 20.014.965.007 đồng = 112.000.000 + (0.1% x 16.014.965.007 đồng) = 128.014.965,007 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu chín trăm mười một nghìn bảy trăm bốn mươi sáu phẩy hai năm sáu đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng NN 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang) theo biên lai số 0005833 ngày 21/10/2024.

[4] - Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Trần Phước Rô, bà Lê Thị Phượng vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 217 và 218; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 299, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 167 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN Buộc ông Trần Phước R và bà Lê Thị Ph phải thanh toán trả cho Ngân hàng NN tổng số tiền nợ tạm tính đến 28/10/2025 là: 20.014.965.007 đồng (Hai mươi tỷ không trăm mười bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm lẻ bảy đồng), Trong đó cụ thể: Nợ gốc là 13.979.000.000 đồng (mười ba tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu đồng) và nợ lãi trong hạn và quá hạn là 6.035.965.007 đồng (sáu tỷ không trăm ba mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm lẻ bảy đồng).

1. Kể từ ngày 29/10/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Phước R và bà Lê Thị Ph còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 621.000.000đ (sáu trăm hai mươi một triệu đồng) và đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ 232031, thửa đất số: 192. 250, tờ bản đồ số 2 -1, diện tích 15.823m² (loại đất ruộng và đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm) vị trí đất tại ấp Kinh Xáng, xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện An Biên(cũ) cấp ngày 04/3/2004 cho Hộ ông bà Lê Văn Bảnh đứng tên, theo hợp đồng thế chấp số: 7709-LCL-201701765, ngày 28/8/2017, theo hợp đồng thế chấp số: 7709-LCL-201701765, ngày 28/8/2017.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Trần Phước R và bà Lê Thị Ph không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

- Tàu cá KG - 94898-TS; công suất 500 CV, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1012/2017 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201701255, ngày 29/05/2017; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 033/2017/PLHĐ ngày 29/08/2017.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG777330 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 03/02/2012; thửa đất số: 616; tờ bản đồ số: 15; diện tích: 8.387m²; Mục đích sử dụng đất: đất trồng lúa. Địa chỉ: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201701256, ngày 29/05/2017; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201701256 ngày 21/01/2018.

- Tàu cá KG-95513-TS; công suất 373 KW, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 677/2020 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201701764, ngày 28/08/2017; văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201701764/01 ngày 03/12/2020.

- Tàu cá KG-95753-TS; công suất 898 CV, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 732/2018 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201800957 ngày 29/06/2018.

- Tàu cá KG-95833-TS; công suất 885 CV, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 1017/2018 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7709-LCL-201801280, ngày 06/09/2018.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ110448 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 30/09/2004; thửa đất số: 609; tờ bản đồ số: 15; diện tích: 270,8m²; Mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn. Địa chỉ: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7709-LCL-201902755, ngày 14/10/2019.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là ông Trần Phước R, bà Lê Thị Ph phải chịu 128.014.965,007 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu chín trăm mười một nghìn bảy trăm bốn mươi sáu phẩy hai năm sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng NN số tiền 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang) theo biên lai số 0005833 ngày 21/10/2024.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 **Luật thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

